PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯƠNG TRÀ

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6. Thời gian làm bài: 90 phút

		•••••		Đề số 1
Lớp	trường THCS			DC SU 1
Phần I: (3 điểm) Tr trình bày vào tờ giấy	_	ı, hãy chọn phương án trả	i lời đún	ng, chính xác nhất và
A. Điểm Q nằm gi C. Điểm P nằm gi	ữa hai điểm P và M ữa hai điểm M và Q	Nếu MP + PQ = MQ thì: B. Điểm M nằm gi D. Không có điểm	nào nằm	n giữa hai điểm kia.
		o có một chữ số. Tập hợp M C. 4 phần tử		
Câu 3: Để số 34? vừ A. 0 C. 0 hoặc 5	ra chia hết cho 3, vừa	a chia hết cho 5 thì chữ số the B. 5 D. Không có chữ s	,	
Câu 4: Kết quả của p A. 46	bhép tính (-28) + 18 B46	bằng bao nhiêu? C. 10	D.	– 10
A. Số dư bao giờ c C. Số dư bao giờ c	cũng lớn hơn số chia cũng nhỏ hơn số chia	ếu phép chia có dư, thì: B. Số dư bằng số c D. Số dư nhỏ hơn l	hay bằng	
Câu 6: Kết quả của p A. m ¹²	ohép tính m ⁸ . m ⁴ khi c B. m ²	được viết dưới dạng một lư C. m ³²	ỹ thừa th <mark>D.</mark>	
Phần II: (7 điểm) Câu 7: Thực hiện các a) 5 ⁶ : 5 ³ + Câu 8: Tìm x, biết: a) (x-35) - Câu 9:	$2^3 \cdot 2^2$	b) $(-5) + (-10) + 16$ b) $12x - 23 = 3^3$: 27		x + 7 = 0
	ố 60 ra thừa số nguyê	en tố.		
a) Điểm M cb) So sánh A	ó nằm giữa hai điểm M và MB	èn tia AB lấy điểm M sao ch A và B không? Vì sao? của AB không? Vì sao?	ho AM =	= 4cm.
	niễn lớn nhất có bốn c	chữ số sao cho khi đem số	đó lần lư	rợt chia cho các số 11,

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯƠNG TRÀ

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh:		Đề số 2
Lớp trường THCS		
Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sa trình bày vào tờ giấy bài làm.	u, hãy chọn phương án trả lời đúr	ng, chính xác nhất v
Câu 1: Để số 34? vừa chia hết cho 3, vừ	ra chia hết cho 5 thì chữ số thích hợp	ở vị trí dấu ? là:
A. 0 hoặc 5	B. 0	
C. 5	D. Không có chữ số nào th	ích hợp.
Câu 2: Kết quả của phép tính (– 28) + 18	3 bằng bao nhiêu?	
A. – 46 B. 46		-10
Câu 3: Kết quả của phép tính m ⁸ . m ⁴ khi A. m ⁴ B. m ³²	được viết dưới dạng một luỹ thừa th \mathbf{C} . \mathbf{m}^{12} \mathbf{D} .	nì kết quả đúng là: m²
 Câu 4: Trong phép chia hai số tự nhiên, r A. Số dư bao giờ cũng lớn hơn số chia C. Số dư bằng số chia 		
 Câu 5: Cho ba điểm M, P, Q thẳng hàng. A. Điểm P nằm giữa hai điểm M và Q C. Điểm Q nằm giữa hai điểm P và M Câu 6: Gọi M là tập hợp các số nguyên tư A. 5 phần tử B. 2 phần tử 	B. Điểm M nằm giữa hai đ D. Không có điểm nào nằm ố có một chữ số. Tập hợp M gồm có	n giữa hai điểm kia.
Phần II: (7 điểm) Câu 7: Thực hiện các phép tính sau: a) 5 ⁶ : 5 ³ + 2 ³ · 2 ² Câu 8: Tìm x, biết:	b) (-5) + (-10) +16 +(-7)	
,	2	

a)
$$(x-35)-120=0$$

b)
$$12x - 23 = 3^3$$
: 27 c) $x + 7 = 0$

c)
$$x + 7 = 0$$

Câu 9:

- a) Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố.
- b) Tim U(30).

Câu 10: Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Trên tia AB lấy điểm M sao cho AM = 4cm.

- d) Điểm M có nằm giữa hai điểm A và B không? Vì sao?
- e) So sánh AM và MB
- f) Điểm M có phải là trung điểm của AB không? Vì sao?

Câu 11: Tìm số tự nhiên lớn nhất có bốn chữ số sao cho khi đem số đó lần lượt chia cho các số 11, 13 và 17 thì đều có số dư bằng 7.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯƠNG TRÀ

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6. Thời gian làm bài: 90 phút

	<u> </u>	1,101, 1011, 0, 1	inor grant	um oun so prim
Họ, tên thí sinh:				Đề số 3
Lớp trư	ờng THCS			De 80 3
Phần I: (3 điểm) Trong ơ trình bày vào tờ giấy bài làr		hãy chọn phương án	trả lời đúr	ng, chính xác nhất v
Câu 1: Cho ba điểm M, P, A. Điểm P nằm giữa hai				ểm P và O
C. Điểm Q nằm giữa hai	điểm P và M	D. Không có điể	êm nào nằm	giữa hai điểm kia.
Câu 2: Gọi M là tập hợp cá A. 4 phần tử	ác số nguyên tố c	_	o M gồm cớ	bao nhiêu phần tử?
Câu 3: Trong phép chia ha A. Số dư bằng số chia C. Số dư bao giờ cũng n	i số tự nhiên, nết	ı phép chia có dư, thì:		•
Câu 4: Kết quả của phép tí	nh(-28) + 18ba			
A. – 10	3. 10	C. 46	D.	-46
Câu 5: Để số 34? vừa chia A. 0	a hết cho 3, vừa c	chia hết cho 5 thì chữ s B. 5	ố thích hợp	ở vị trí dấu ? là:
C. 0 hoặc 5		D. Không có ch	ữ số nào th	ích hợp.
Câu 6: Kết quả của phép tí A. m ¹²	nh m ⁸ . m ⁴ khi đu 3. m ³²	rợc viết dưới dạng một C. m ⁴	t luỹ thừa th <mark>D.</mark>	nì kết quả đúng là: m²
Phần II: (7 điểm)	tính cou			
Câu 7: Thực hiện các phép a) 5^6 : $5^3 + 2^3$.	2^2	b) (-5) + (-10) + 1	6 + (-7)	
Câu 8: Tìm x, biết: a) $(x-35)-120=$	0	b) $12x - 23 = 3^3$: 27	c) x	x + 7 = 0
Câu 9:	,	,		
a) Phân tích số 60 ra b) Tìm Ư(30).	ı thừa số nguyên	tô.		

Câu 10: Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Trên tia AB lấy điểm M sao cho AM = 4cm.

- g) Điểm M có nằm giữa hai điểm A và B không? Vì sao?
- h) So sánh AM và MB
- i) Điểm M có phải là trung điểm của AB không? Vì sao?

Câu 11: Tìm số tự nhiên lớn nhất có bốn chữ số sao cho khi đem số đó lần lượt chia cho các số 11, 13 và 17 thì đều có số dư bằng 7.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯƠNG TRÀ

Phần II: (7 điểm)

Câu 7: Thực hiện các phép tính sau: a) $5^6 : 5^3 + 2^3 \cdot 2^2$

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh:		Đề số 4
Lớp trường THCS		De 80 4
Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy trình bày vào tờ giấy bài làm.		lúng, chính xác nhất và
 Câu 1: Cho ba điểm M, P, Q thẳng hàng. Nếu l A. Điểm Q nằm giữa hai điểm P và M C. Điểm P nằm giữa hai điểm M và Q 	B. Điểm M nằm giữa haiD. Không có điểm nào n	àm giữa hai điểm kia.
Câu 2: Kết quả của phép tính m ⁸ . m ⁴ khi được A. m ⁴ B. m ²		ı thì kết quả đúng là: D. m ¹²
Câu 3: Gọi M là tập hợp các số nguyên tố có m A. 2 phần tử B. 3 phần tử		
Câu 4: Kết quả của phép tính (-28) + 18 bằng		. 10
A. – 46 B. 46). 10
Câu 5: Để số 34? vừa chia hết cho 3, vừa chia A. 5	B. 0	
C. 0 hoặc 5	D. Không có chữ số nào	unen nop.
 Câu 6: Trong phép chia hai số tự nhiên, nếu ph A. Số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia C. Số dư bao giờ cũng lớn hơn số chia 	B. Số dư bằng số chia	áng số chia

b) (-5) + (-10) + 16 + (-7)

Câu 8: Tìm x, biết:

a)
$$(x-35)-120=0$$

b)
$$12x - 23 = 3^3$$
: 27 c) $x + 7 = 0$

c)
$$x + 7 = 0$$

Câu 9:

- a) Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố.
- b) Tìm U(30).

Câu 10: Cho đoan thẳng AB dài 8cm. Trên tia AB lấy điểm M sao cho AM = 4cm.

- j) Điểm M có nằm giữa hai điểm A và B không? Vì sao?
- k) So sánh AM và MB
- 1) Điểm M có phải là trung điểm của AB không? Vì sao?

Câu 11: Tìm số tư nhiên lớn nhất có bốn chữ số sao cho khi đem số đó lần lượt chia cho các số 11, 13 và 17 thì đều có số dư bằng 7.

PHÒNG GD&ĐT **HUONG TRÀ**

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẨM BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ I . MÔN: **Toán 6.**

Phần I: (3 điểm)

Mỗi phương án đúng, chấm 0,5 điểm

Đáp án:

+ Để sô 1:

Câu	1	2	3	4	5	6
Phương án đúng	C	C	В	D	C	A

+ Để số 2:

Câu	1	2	3	4	5	6
Phương án đúng	C	D	C	D	A	C

+ Để số 3:

Câu	1	2	3	4	5	6
Phương án đúng	A	A	C	A	В	A

+ Để số 4:

Câu	1	2	3	4	5	6
Phương án đúng	C	D	C	C	Α	Α

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: 1 điểm; mỗi đáp số đúng, chấm 0,5 điểm

a)
$$5^6 : 5^3 + 2^3 \cdot 2^2 = 157$$

a)
$$5^6 : 5^3 + 2^3 \cdot 2^2 = 157$$
 b) $(-5) + (-10) + 16 + (-7) = -6$

Câu 12: 1,5 điểm; mỗi đáp số đúng, chấm 0,5 điểm.

a)
$$(x-35)-120=0 \implies x = 155$$

b)
$$12x - 23 = 3^3 : 27 \implies x = 2$$

c)
$$x + 7 = 0 \Rightarrow x = -7$$

<u>Câu 13</u>: (1 điểm).

- + Phân tích được số 60 ra thừa số nguyên tố $(60 = 2^2.3.5)$, chấm 0,5 điểm.
- + Viết đúng tập ước của 30, chấm 0, 5 điểm. $U(30) = \{1, 2, 3, 5, 6, 10, 15, 30\}$

<u>Câu 14</u>: (2,5 điểm)

- + Vẽ hình rõ nét, đúng tỉ lệ, ghi đúng kí hiệu, chấm 0,25 điểm.
- a) Điểm M nằm giữa hai điểm A và B (0,25 điểm); vì ..., chấm 0,5 điểm
- b) AM = MB = 4cm (0.25 diễm); trình bày cách tính, 0,5 diễm.
- c) Điểm M là trung điểm của AB (0,25 điểm). Vì ..., chấm 0,5 điểm.

<u>Câu 15</u>: (1 điểm)

Gọi m là số tự nhiên cần tìm. Vì khi đem số m lần lượt chia cho các số 11, 13 và 17 thì đều có số dư bằng 7 nên (m-7) là bội số chung của các số 11, 13 và 17 (0,5) điểm).

Vì m là số lớn nhất có 4 chữ số và $(m-7) \in BC$ $(11, 13, 17) \Rightarrow m = 9731$ (0,5) điểm).

* Chú ý:

+ Điểm tối đa ở mỗi phần chỉ chấm với những bài làm có chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, đẹp.

+ Điểm tổng cộng của toàn bài được làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất (7,25 làm tròn thành 7,3 mà không làm tròn thành 7,5)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO <u>HƯƠNG TRÀ</u> BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM MÔN TOÁN 7. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh:	Đề số 1
Lớptrường THCS	De so 1

<u>Phần I:</u> (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch và khi $x = -\frac{1}{2}$ thì y = 4. Hỏi khi x = 2 thì y bằng bao nhiều?

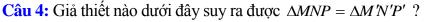
A. – 1 **B.** 2 **C.** 1 **D.** – 2

Câu 2: Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{-4}$?

A. $\frac{12}{16}$ **B.** $\frac{20}{-15}$ **C.** $\frac{-12}{16}$ **D.** $\frac{20}{15}$

Câu 3: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị của hàm số y = -3x?

A. $Q(\frac{2}{3};2)$ **B.** $N(-\frac{1}{3};1)$ **C.** $P(\frac{1}{3};1)$ **D.** $M(-\frac{1}{3};-1)$



A. $\hat{M} = \hat{M}'; \hat{N} = \hat{N}'; \hat{P} = \hat{P}'$

B. $\hat{M} = \hat{M}'$: MN = M'N': NP = N'P'

C. $\hat{M} = \hat{M}'; MP = M'P'; NP = N'P'$

D. $\hat{M} = \hat{M}'$: MN = M'N': MP = M'P'

Câu 5: Kết quả của phép nhân $(-3)^6 \cdot (-3)^2$ bằng:

$$A. (-3)^{12}$$

B.
$$(-3)^4$$

$$\mathbf{C.} (-3)^3$$

$$\mathbf{D} \cdot (-3)^8$$

Câu 6: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và khi x = 6 thì y = 4. Hệ số tỉ lệ k của y đối với x là:

A.
$$k = \frac{3}{2}$$

B.
$$k = \frac{2}{3}$$

C.
$$k = \frac{1}{24}$$

D.
$$k = 24$$

Câu 7: Nếu góc xOy có số đo bằng 470 thì số đo của góc đối đỉnh với góc xOy bằng bao nhiêu?

$$B_{\bullet} 47^{0}$$

$$C.43^{0}$$

Câu 8: Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng:

A. Không có điểm chung

B. Có ít nhất 2 điểm chung

C. Chỉ có một điểm chung

D. Không vuông góc với nhau

Câu 9: Nếu tam giác ABC có $B\hat{A}C = 50^{\circ}$ và $A\hat{B}C = A\hat{C}B$ thì số đo của góc $A\hat{B}C$ bằng:

$$C.75^{0}$$

Câu 10: Nếu $\sqrt{x} = 2$ thì x^2 bằng bao nhiêu?

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a)
$$15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})$$
 b) $\sqrt{0,16}-\sqrt{\frac{1}{25}}$

b)
$$\sqrt{0,16} - \sqrt{\frac{1}{25}}$$

Câu 12: Tìm x, biết:

$$a) \left| x - \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{2}$$

b)
$$(\frac{1}{3}.x): \frac{2}{3} = 4\frac{3}{8}$$

Câu 13: Tính số đo góc A của tam giác ABC biết số đo các góc A, B, C của tam giác đó tỉ lệ với các số 3: 5: 7.

Câu 14: Cho tam giác OAB có OA = OB có tia phân giác góc AOB cắt cạnh AB tại D.

a) Chứng minh

$$\Delta AOD = \Delta BOD$$
;

Câu 15: Tìm các số x, y, z biết rằng $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{4}$ và x - y + z = -49.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN TOÁN 7. Thời gian làm bài: 90 phút

Ho, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 2

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Nếu $\sqrt{x} = 2$ thì x^2 bằng bao nhiêu?

A. 2

B. 16

C. 8

D. 4

Câu 2: Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{4}$?

A.
$$\frac{20}{-15}$$

B.
$$\frac{12}{16}$$

C.
$$\frac{20}{15}$$

D.
$$\frac{-12}{16}$$

Câu 3: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị của hàm số y = -3x?

A.
$$Q(\frac{2}{3};2)$$

B.
$$M(-\frac{1}{3};-1)$$

C.
$$N(-\frac{1}{3};1)$$

D.
$$P(\frac{1}{3};1)$$

Câu 4: Hai đường thẳng song là hai đường thẳng:

A. Có ít nhất 2 điểm chung

B. Không có điểm chung

C. Không vuông góc với nhau

D. Chỉ có một điểm chung

Câu 5: Giả thiết nào dưới đây suy ra được $\triangle MNP = \triangle M'N'P'$?

A.
$$\hat{M} = \hat{M}'; MN = M'N'; MP = M'P'$$

B.
$$\hat{M} = \hat{M}'; MP = M'P'; NP = N'P'$$

C.
$$\hat{M} = \hat{M}'; \hat{N} = \hat{N}'; \hat{P} = \hat{P}'$$

D.
$$\hat{M} = \hat{M}'; MN = M'N'; NP = N'P'$$

Câu 6: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và khi x = 6 thì y = 4. Hệ số tỉ lệ k của y đối với x là:

A.
$$k = 24$$

B.
$$k = \frac{3}{2}$$

C.
$$k = \frac{1}{24}$$

D.
$$k = \frac{2}{3}$$

Câu 7: Nếu tam giác ABC có $B\hat{A}C = 50^{\circ}$ và $A\hat{B}C = A\hat{C}B$ thì số đo của góc $A\hat{B}C$ bằng:

B.
$$65^{\circ}$$

Câu 8: Nếu góc xOy có số đo bằng 47⁰ thì số đo của góc đối đỉnh với góc xOy bằng bao nhiêu? **A.** 133⁰ **B.** 43⁰ **C.** 74⁰ **D.** 47⁰

Câu 9: Kết quả của phép nhân $(-3)^6 \cdot (-3)^2$ bằng: **A.** $(-3)^{12}$ **B.** $(-3)^3$ **C.** $(-3)^4$

A.
$$(-3)^{12}$$

B.
$$(-3)^{2}$$

C.
$$(-3)^2$$

D.
$$(-3)^8$$

Câu 10: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch và khi $x = -\frac{1}{2}$ thì y = 4. Hỏi khi x = 2 thì y bằng

bao nhiêu?

$$A. - 1$$

$$\mathbf{D} \cdot -2$$

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a)
$$15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})$$
 b) $\sqrt{0,16}-\sqrt{\frac{1}{25}}$

b)
$$\sqrt{0,16} - \sqrt{\frac{1}{25}}$$

Câu 12: Tìm x, biết:

$$a) \left| x - \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{2}$$

b)
$$(\frac{1}{3}.x): \frac{2}{3} = 4\frac{3}{8}$$

Câu 13: Tính số đo góc A của tam giác ABC biết số đo các góc A, B, C của tam giác đó tỉ lệ với các số 3; 5; 7.

Câu 14: Cho tam giác OAB có OA = OB có tia phân giác góc AOB cắt cạnh AB tại D.

a) Chứng minh

 $\Delta AOD = \Delta BOD$;

b) Chứng minh: OD ⊥ AB

Câu 15: Tìm các số x, y, z biết rằng $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{4}$ và x - y + z = -49.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIẾM TRA HỌC KÌ I

MÔN TOÁN 7. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 3

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

A.
$$(-3)^{12}$$

B.
$$(-3)^4$$

$$C. (-3)^8$$

$$(-3)^3$$

Câu 1: Kết quả của phép nhân $(-3)^6 \cdot (-3)^2$ bằng: **A.** $(-3)^{12}$ **B.** $(-3)^4$ **C.** $(-3)^8$ **D.** $(-3)^3$ **Câu 2:** Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và khi x = 6 thì y = 4. Hệ số tỉ lệ k của y đối với x là:

A.
$$k = \frac{3}{2}$$
 B. $k = \frac{2}{3}$ **C.** $k = 24$

B.
$$k = \frac{2}{3}$$

C.
$$k = 24$$

D.
$$k = \frac{1}{24}$$

Câu 3: Nếu $\sqrt{x} = 2$ thì x^2 bằng bao nhiêu?

Câu 4: Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng:

A. Chỉ có một điểm chung

B. Không vuông góc với nhau

C. Không có điểm chung

D. Có ít nhất 2 điểm chung

Câu 5: Giả thiết nào dưới đây suy ra được $\triangle MNP = \triangle M'N'P'$?

A.
$$\hat{M} = \hat{M}'; \hat{N} = \hat{N}'; \hat{P} = \hat{P}$$

B.
$$\hat{M} = \hat{M}'; MN = M'N'; MP = M'P'$$

A.
$$\hat{M} = \hat{M}'; \ \hat{N} = \hat{N}'; \ \hat{P} = \hat{P}'$$
C. $\hat{M} = \hat{M}'; \ MP = M'P'; NP = N'P'$

D.
$$\hat{M} = \hat{M}'$$
: $MN = M'N'$: $NP = N'P'$

Câu 6: Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{4}$?

A.
$$\frac{12}{16}$$

B.
$$\frac{-12}{16}$$

C.
$$\frac{20}{-15}$$

D.
$$\frac{20}{15}$$

Câu 7: Nếu tam giác ABC có $B\hat{A}C = 50^{\circ}$ và $A\hat{B}C = A\hat{C}B$ thì số đo của góc $A\hat{B}C$ bằng: **A.** 75° **B.** 55° **C.** 65° **D.** 45°

Câu 8: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị của hàm số y = -3x?

A.
$$P(\frac{1}{3};1)$$

B.
$$Q(\frac{2}{3};2)$$

C.
$$N(-\frac{1}{3};1)$$

B.
$$Q(\frac{2}{3};2)$$
 C. $N(-\frac{1}{3};1)$ **D.** $M(-\frac{1}{3};-1)$

Câu 9: Nếu góc xOy có số đo bằng 47⁰ thì số đo của góc đối đỉnh với góc xOy bằng bao nhiêu?

A. 47⁰
B. 43⁰
C. 74⁰
D. 133⁰

Câu 10: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch và khi $x = -\frac{1}{2}$ thì y = 4. Hỏi khi x = 2 thì y bằng bao nhiêu?

A. -1

$$C. - 2$$

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a)
$$15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})$$
 b) $\sqrt{0,16}-\sqrt{\frac{1}{25}}$

b)
$$\sqrt{0,16} - \sqrt{\frac{1}{25}}$$

Câu 12: Tìm x, biết:

a)
$$\left| x - \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{2}$$

b)
$$(\frac{1}{3}.x): \frac{2}{3} = 4\frac{3}{8}$$

Câu 13: Tính số đo góc A của tam giác ABC biết số đo các góc A, B, C của tam giác đó tỉ lệ với các số 3; 5; 7.

Câu 14: Cho tam giác OAB có OA = OB có tia phân giác góc AOB cắt cạnh AB tại D.

a) Chứng minh

 $\Delta AOD = \Delta BOD$:

b) Chứng minh: OD \perp AB

Câu 15: Tìm các số x, y, z biết rằng $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{4}$ và x - y + z = -49.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN TOÁN 7. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 4

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Nếu tam giác ABC có $B\hat{A}C = 50^{\circ}$ và $A\hat{B}C = A\hat{C}B$ thì số đo của góc $A\hat{B}C$ bằng:

A. 75°

 $B_{\bullet} 65^{0}$

Câu 2: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch và khi $x = -\frac{1}{2}$ thì y = 4. Hỏi khi x = 2 thì y bằng

bao nhiêu?

 $\mathbf{A} \cdot -2$

B. 2

C. - 1

D. 1

Câu 3: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và khi x = 6 thì y = 4. Hệ số tỉ lệ k của y đối với x là:

A. k = 24

B. $k = \frac{2}{3}$

C. $k = \frac{3}{2}$

D. $k = \frac{1}{24}$

Câu 4: Nếu $\sqrt{x} = 2$ thì x^2 bằng bao nhiêu?

B. 2

C. 8

D. 16

Câu 5: Giả thiết nào dưới đây suy ra được $\triangle MNP = \triangle M'N'P'$?

A. $\hat{M} = \hat{M}'; MN = M'N'; NP = N'P'$

B. $\hat{M} = \hat{M}'; MP = M'P'; NP = N'P'$

C. $\hat{M} = \hat{M}'$: $\hat{N} = \hat{N}'$: $\hat{P} = \hat{P}'$

D. $\hat{M} = \hat{M}'$: MN = M'N': MP = M'P'

Câu 6: Kết quả của phép nhân $(-3)^6 \cdot (-3)^2$ bằng: **A.** $(-3)^{12}$ **B.** $(-3)^8$

 $(-3)^4$

D. $(-3)^3$

Câu 7: Hai đường thẳng song là hai đường thẳng:

A. Không có điểm chung

B. Chỉ có một điểm chung

C. Có ít nhất 2 điểm chung

D. Không vuông góc với nhau

Câu 8: Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{4}$?

A. $\frac{20}{-15}$

B. $\frac{20}{15}$

C. $\frac{-12}{16}$

D. $\frac{12}{16}$

Câu 9: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị của hàm số y = -3x?

A. N($-\frac{1}{2}$;1)

B. $Q(\frac{2}{2};2)$

C. $P(\frac{1}{2};1)$

D. $M(-\frac{1}{2};-1)$

Câu 10: Nếu góc xOy có số đo bằng 47⁰ thì số đo của góc đối đỉnh với góc xOy bằng bao nhiều? **A.** 133⁰ **B.** 47⁰ **C.** 43⁰ **D.** 74⁰

Phần I<u>I</u>: (7 điểm)

Câu 11: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})$ b) $\sqrt{0,16}-\sqrt{\frac{1}{25}}$

Câu 12: Tìm x, biết:

a)
$$\left| x - \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{2}$$
 b) $\left(\frac{1}{3} \cdot x \right) : \frac{2}{3} = 4\frac{3}{8}$

Câu 13: Tính số đo góc A của tam giác ABC biết số đo các góc A, B, C của tam giác đó tỉ lệ với các số 3; 5; 7.

Câu 14: Cho tam giác OAB có OA = OB có tia phân giác góc AOB cắt cạnh AB tại D.

- a) Chứng minh
- $\triangle AOD = \triangle BOD$; b) Chứng minh: OD \perp AB

Câu 15: Tìm các số x, y, z biết rằng $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{4}$ và x - y + z = -49.

PHÒNG GD&ĐT **HUONG TRÀ**

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẨM BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ I . MÔN: **Toán 7.**

Phần I: (3 điểm)

Mỗi phương án đúng, chấm 0,3 điểm.

+ Đề số 1•

T De 80 1:										
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phương án đúng	A	C	В	D	D	В	В	A	В	C
+ Đề số 2:										
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phương án đúng	В	D	С	В	A	D	В	D	D	A
+ Đề số 3:										
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phương án đúng	С	В	D	С	В	В	C	С	A	A
+ Đề số 4:										
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phương án đúng	В	C	В	D	D	В	A	C	A	В

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: 1 điểm. Tính đúng giá trị của một biểu thức, chấm 0,5 điểm.

a)
$$15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})=14$$

a)
$$15\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})-25\frac{1}{4}:(-\frac{5}{7})=14$$
 b) $\sqrt{0,16}-\sqrt{\frac{1}{25}}=\frac{1}{5}$ (hoặc 0,2 đều được)

Câu 12: 1,5 điểm.

a)
$$\left| x - \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{2} \implies \dots \implies x = \frac{5}{6}$$
 hoặc $x = \frac{-1}{6}$ (nếu chỉ tìm đúng 1 giá trị, chấm

0,5 điểm; tìm đúng cả hai giá trị, chấm 0,75 điểm.

b)
$$(\frac{1}{3}.x): \frac{2}{3} = 4\frac{3}{8} \implies ... \implies x = \frac{35}{4} = 8\frac{3}{4}$$
 (hoặc 8,75), chấm 0,75 điểm.

Câu 13: 1,25 điểm.

Gọi a, b, c là số đo ba góc của tam giác ABC thì a + b + c = 180 (0.25 diễm)

Từ giả thiết suy ra $\frac{a}{3} = \frac{b}{5} = \frac{c}{7}$ (0,25 điểm). \Rightarrow ... \Rightarrow số đo góc A của tam giác ABC

 $b \dot{a} g 36^{0} (0.75 \, di \dot{e} m)$

<u>Câu 14</u>: (2,5 điểm)

Vẽ hình đúng, rõ, đẹp: 0,5 điểm.

- a) Chứng minh DA = DB: Có lập luận và chứng tỏ được $\triangle AOD = \triangle BOD$ theo trường hợp canh-góc-canh (1 điểm)
- b) Chứng minh OD ⊥ AB: Từ kết quả câu a suy ra góc ODA bằng góc ODB sau đó suy ra $\hat{ODA} = 90^{\circ} \Rightarrow OD \perp AB$ (1 điểm)

<u>Câu 15</u>: Tìm các số x, y, z biết rằng $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{4}$ và x - y + z = -49 (0,75 điểm).

$$T\dot{\mathbf{x}} \quad \frac{x}{2} = \frac{y}{3}; \frac{y}{5} = \frac{z}{4} \implies \frac{x}{10} = \frac{y}{15}; \frac{y}{15} = \frac{z}{12} \implies \frac{x}{10} = \frac{y}{15} = \frac{z}{12} = \frac{x - y + z}{10 - 15 + 12} = \frac{-49}{7} = -7$$

Suy ra x = -70; y = -105; z = -84

* Chú ý:

- + Điểm tối đa ở mỗi phần chỉ chấm với những bài làm có chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, đẹp.
- + Điểm tổng cộng của toàn bài được làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất (7,25 làm tròn thành 7,3 mà không làm tròn thành 7,5)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN Toán 8. Thời gian làm bài: 90 phút

Ho, tên thí sinh: Đề số 1 Lớp trường THCS

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chon phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Diện tích của một hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu hình chữ nhật đó có chiều dài tăng 4 lần và chiều rộng giảm 3 lần?

A. Tăng $\frac{3}{4}$ lần **B.** Giảm $\frac{4}{3}$ lần **C.** Tăng $\frac{4}{3}$ lần **D.** Giảm $\frac{3}{4}$ lần

Câu 2: Giá trị của biểu thức x(x - y) + y(y - x) tại x = 103 và y = 3 bằng bao nhiều?

A. 11236

D. 10000

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{3}{4}x^3y^3:(-\frac{1}{2}x^2y)$ bằng bao nhiêu?

A. $-\frac{3}{8}x^5y^4$ B. $-\frac{3}{2}xy^2$ C. $\frac{3}{2}xy^2$

D. $\frac{3}{8}x^5y^4$

Câu 4: Đa thức thích hợp điền vào chỗ trống (vị trí dấu ...) trong đẳng thức $\frac{...}{x^2-16} = \frac{x}{x-4}$ là:

A. $x^2 - 4x$

B. x + 4

C. x - 4

D. $x^2 + 4x$

Câu 5: Tứ giác ABCD có số đo các góc A, B, C lần lượt bằng 65°, 117° và 71°. Số đo góc D của tứ giác đó bằng: **B.** 103⁰

A. 107^0

 $C_{*} 97^{0}$

D. 73°

Câu 6: Tích $(x + 2)(x^2 - 2x + 4)$ là khai triển của hằng dẳng thức: **A.** $x^3 + 8$ **B.** $(x + 2)^2$ **C.** $x^3 - 8$

D. $(x-2)^2$

Câu 7: Đoạn thẳng PQ là hình có bao nhiêu tâm đối xứng?

A. Không

B. Môt

C. Hai

D. Vô số

Câu 8: Phân thức nghịch đảo của phân thức $\frac{x}{x+2}$ là:

A.
$$-\frac{x+2}{x}$$

$$\mathbf{B.} - \frac{x}{x+2}$$

C.
$$-\frac{x-2}{x}$$

$$\mathbf{D.} \ \frac{x+2}{x}$$

Câu 9: Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau.

A. Đúng

B. Sai

Câu 10: Tứ giác có ba góc vuông là hình vuông.

A. Đúng

B. Sai

Phần II: (7 điểm)

Câu 11:

a) Phân tích đa thức $x^2 + 4y^2 - 4xy$ thành nhân tử. b) Thực hiện phép tính: $(6x^3 - 7x^2 - x + 2)$: (2x + 1)

Câu 12: Cho phân thức $\frac{x^2 + 6x + 9}{x^2 + 9}$

a) Với giá trị nào của x thì giá trị của phân thức được xác định?

b) Rút gọn phân thức.

c) Với giá tri nào của x thì phân thức có giá tri bằng 0?

Câu 13: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường trung tuyến AM. Gọi I là trung điểm của AB và D là điểm đối xứng của M qua qua I.

a) Chứng minh rằng AD // BM và tứ giác ADBM là hình thoi.

b) Gọi E là giao điểm của AM và DC. Chứng minh AE = EM.

c) Cho BC = 5cm và AC = 4cm. Tính diện tích của tam giác ABM.

Câu 14: Tìm giá tri nhỏ nhất của biểu thức $x^2 - x + 2009$.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN Toán 8. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 2

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Tứ giác ABCD có số đo các góc A, B, C lần lượt bằng 65⁰, 117⁰ và 71⁰. Số đo góc D của tứ giác đó bằng:

 $A. 97^0$

 $\mathbf{R}. 107^0$

 $C_{\rm h} 103^{\rm 0}$

D. 73°

Câu 2: Phân thức nghịch đảo của phân thức $\frac{x}{x+2}$ là:

$$\mathbf{A} \cdot - \frac{x}{x+2}$$

B. $\frac{x-2}{r}$ **C.** $\frac{x+2}{r}$

 $\mathbf{D}_{\bullet} - \frac{x+2}{x}$

Câu 3: Tích $(x + 2)(x^2 - 2x + 4)$ là khai triển của hằng dẳng thức: **A.** $(x + 2)^2$ **B.** $(x - 2)^2$ **C.** $x^3 + 8$

 $D_{x}^{3} - 8$

Câu 4: Giá trị của biểu thức x(x - y) + y(y - x) tại x = 103 và y = 3 bằng bao nhiều?

A. 10600

B. 11236

C. 10000

D. 10618

Câu 5: Đa thức thích hợp điền vào chỗ trống (vị trí dấu ...) trong đẳng thức $\frac{...}{r^2-16} = \frac{x}{r-4}$ là:

A. x + 4

 $B_{x} x^{2} - 4x$

 \mathbf{C} , $\mathbf{x} - 4$

D. $x^2 + 4x$

Câu 6: Kết quả của phép tính $\frac{3}{4}x^3y^3:(-\frac{1}{2}x^2y)$ bằng bao nhiều?

A.
$$-\frac{3}{2}xy^2$$

A.
$$-\frac{3}{2}xy^2$$
 B. $-\frac{3}{8}x^5y^4$ C. $\frac{3}{2}xy^2$

C.
$$\frac{3}{2}xy^2$$

D.
$$\frac{3}{8}x^5y^4$$

Câu 7: Đoạn thắng PQ là hình có bao nhiều tâm đổi xứng?

A. Không

B. Hai

C. Môt

D. Vô số

Câu 8: Diên tích của một hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu hình chữ nhật đó có chiều dài tăng 4 lần và chiều rộng giảm 3 lần?

A. Tăng
$$\frac{4}{3}$$
 lần

B. Giảm $\frac{4}{3}$ lần

C. Giảm $\frac{3}{4}$ lần D. Tăng $\frac{3}{4}$ lần

Câu 9: Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau.

A. Đúng

B. Sai

Câu 10: Tứ giác có ba góc vuông là hình vuông.

A. Đúng

B. Sai

Phần II: (7 điểm)

Câu 11:

a) Phân tích đa thức $x^2 + 4y^2 - 4xy$ thành nhân tử. b) Thực hiện phép tính: $(6x^3 - 7x^2 - x + 2)$: (2x + 1)

Câu 12: Cho phân thức $\frac{x^2 + 6x + 9}{x^2 + 9}$

a) Với giá trị nào của x thì giá trị của phân thức được xác định?

b) Rút gon phân thức.

c) Với giá trị nào của x thì phân thức có giá trị bằng 0?

Câu 13: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường trung tuyến AM. Gọi I là trung điểm của AB và D là điểm đối xứng của M qua qua I.

a) Chứng minh rằng AD // BM và tứ giác ADBM là hình thoi.

b) Goi E là giao điểm của AM và DC. Chứng minh AE = EM.

c) Cho BC = 5cm và AC = 4cm. Tính diện tích của tam giác ABM.

Câu 14: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $x^2 - x + 2009$.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HUONG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN Toán 8. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 3

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Đoạn thẳng PQ là hình có bao nhiều tâm đối xứng?

A. Môt

B. Không

C. Hai

D. Vô số

Câu 2: Đa thức thích hợp điền vào chỗ trống (vị trí dấu ...) trong đẳng thức $\frac{...}{r^2-16} = \frac{x}{r-4}$ là:

 $A_{x}x^{2}-4x$

B. $x^2 + 4x$ **C.** x - 4

D. x + 4

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{3}{4}x^3y^3:(-\frac{1}{2}x^2y)$ bằng bao nhiêu?

A. $-\frac{3}{2}xy^2$ B. $-\frac{3}{8}x^5y^4$ C. $\frac{3}{8}x^5y^4$ D. $\frac{3}{2}xy^2$

Câu 4: Diện tích của một hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu hình chữ nhật đó có chiều dài tăng 4 lần và chiều rộng giảm 3 lần?

- **A.** Tăng $\frac{4}{3}$ lần **B.** Giảm $\frac{4}{3}$ lần **C.** Giảm $\frac{3}{4}$ lần **D.** Tăng $\frac{3}{4}$ lần

Câu 5: Giá trị của biểu thức x(x - y) + y(y - x) tại x = 103 và y = 3 bằng bao nhiều?

- **A.** 10000
- **B.** 11236
- C. 10618
- **D.** 10600

Câu 6: Tứ giác ABCD có số đo các góc A, B, C lần lượt bằng 65°, 117° và 71°. Số đo góc D của tứ giác đó bằng:

- **A.** 97^{0}
- **B.** 103⁰
- $C_{\bullet} 107^{0}$
- **D.** 73⁰

Câu 7: Phân thức nghịch đảo của phân thức $\frac{x}{x+2}$ là:

- $A = \frac{x}{x+2}$ $B = \frac{x-2}{x}$
- C. $\frac{x+2}{x}$
- $D.-\frac{x+2}{x}$

Câu 8: Tích $(x + 2)(x^2 - 2x + 4)$ là khai triển của hằng dẳng thức: **A.** $(x-2)^2$ **B.** $x^3 - 8$ **C.** $(x + 2)^2$

- **D.** $x^3 + 8$

Câu 9: Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau.

- A. Đúng
- Câu 10: Tứ giác có ba góc vuông là hình vuông.

- A. Đúng
- B. Sai B. Sai

Phần II: (7 điểm)

Câu 11:

- a) Phân tích đa thức $x^2 + 4y^2 4xy$ thành nhân tử. b) Thực hiện phép tính: $(6x^3 7x^2 x + 2)$: (2x + 1)

Câu 12: Cho phân thức $\frac{x^2 + 6x + 9}{r^2 - 0}$

- a) Với giá trị nào của x thì giá trị của phân thức được xác định?
- b) Rút gon phân thức.
- c) Với giá trị nào của x thì phân thức có giá trị bằng 0?

Câu 13: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường trung tuyến AM. Gọi I là trung điểm của AB và D là điểm đối xứng của M qua qua I.

- a) Chứng minh rằng AD // BM và tứ giác ADBM là hình thoi.
- b) Gọi E là giao điểm của AM và DC. Chứng minh AE = EM.
- c) Cho BC = 5cm và AC = 4cm. Tính diện tích của tam giác ABM.

Câu 14: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $x^2 - x + 2009$.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HƯƠNG TRÀ**

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN Toán 8. Thời gian làm bài: 90 phút

Họ, tên thí sinh: Lớp trường THCS

Đề số 4

Phần I: (3 điểm) Trong các câu hỏi sau, hãy chọn phương án trả lời đúng, chính xác nhất và trình bày vào tờ giấy bài làm.

Câu 1: Giá trị của biểu thức x(x - y) + y(y - x) tại x = 103 và y = 3 bằng bao nhiều?

- **A.** 10600
- **B.** 11236
- **C.** 10000
- **D.** 10618

Câu 2: Diện tích của một hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu hình chữ nhật đó có chiều dài tăng 4 lần và chiều rộng giảm 3 lần?

- **A.** Giảm $\frac{4}{3}$ lần **B.** Tăng $\frac{3}{4}$ lần **C.** Giảm $\frac{3}{4}$ lần **D.** Tăng $\frac{4}{3}$ lần

Câu 3: Tứ giác ABCD có số đo các góc A, B, C lần lượt bằng 65⁰, 117⁰ và 71⁰. Số đo góc D của tứ giác đó bằng:

A. 73^{0}

 $\mathbf{R}.97^{0}$

 $C. 103^{0}$

 \mathbf{D} , 107^{0}

Câu 4: Tích $(x + 2)(x^2 - 2x + 4)$ là khai triển của hằng dẳng thức: **A.** $x^3 + 8$ **B.** $x^3 - 8$ **C.** $(x + 2)^2$

D. $(x-2)^2$

Câu 5: Đa thức thích hợp điền vào chỗ trống (vị trí dấu ...) trong đẳng thức $\frac{...}{x^2-16} = \frac{x}{x-4}$ là:

A. x + 4

B. $x^2 - 4x$

 \mathbf{C} , $\mathbf{x} - 4$

D. $x^2 + 4x$

Câu 6: Đoạn thẳng PQ là hình có bao nhiều tâm đối xứng?

A. Không

B. Môt

D. Vô số

Câu 7: Phân thức nghịch đảo của phân thức $\frac{x}{x+2}$ là:

A. $-\frac{x+2}{x}$

B. $\frac{x+2}{x}$ **C.** $\frac{x-2}{x}$

 $\mathbf{D}_{\cdot} - \frac{x}{x+2}$

Câu 8: Kết quả của phép tính $\frac{3}{4}x^3y^3:(-\frac{1}{2}x^2y)$ bằng bao nhiêu?

A. $-\frac{3}{2}xy^2$ B. $-\frac{3}{8}x^5y^4$ C. $\frac{3}{8}x^5y^4$

D. $\frac{3}{2}xy^2$

Câu 9: Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau.

A. Đúng

B. Sai

Câu 10: Tứ giác có ba góc vuông là hình vuông.

A. Đúng

B. Sai

Phần II: (7 điểm)

Câu 11:

a) Phân tích đa thức $x^2 + 4y^2 - 4xy$ thành nhân tử. b) Thực hiện phép tính: $(6x^3 - 7x^2 - x + 2)$: (2x + 1)

Câu 12: Cho phân thức $\frac{x^2 + 6x + 9}{x^2 - 9}$

a) Với giá tri nào của x thì giá tri của phân thức được xác định?

b) Rút gon phân thức.

c) Với giá trị nào của x thì phân thức có giá trị bằng 0?

Câu 13: Cho tam giác ABC vuông tai A, đường trung tuyến AM. Goi I là trung điểm của AB và D là điểm đối xứng của M qua qua I.

a) Chứng minh rằng AD // BM và tứ giác ADBM là hình thoi.

b) Goi E là giao điểm của AM và DC. Chứng minh AE = EM.

c) Cho BC = 5cm và AC = 4cm. Tính diện tích của tam giác ABM.

Câu 14: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $x^2 - x + 2009$.

PHÒNG GIÁO DUC-ĐT **HƯƠNG TRÀ**

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẨM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN TOÁN 8

Phần I: (3 điểm)

• Từ câu 1 đến câu 10, mỗi phương án trả lời đúng, chấm 0,3 điểm. Đáp án:

+	Đề	ςÁ	1	•
	DC	30	1	٠

	DC 30 1.												
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
	Đáp án	С	D	В	D	A	A	В	D	В	В		
+	+ Đề số 2:												
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
	Đáp án	В	C	C	C	D	A	C	A	В	В		
+	+ Đề số 3:												
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
	Đáp án	Â	В	A	A	A	C	C	D	В	В		
+	$+\frac{1}{10}$ \hat{e} \hat{s} \hat{o} 4:												
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
	Đáp án	C	D	D	A	D	В	В	A	В	В		
	•	?											

Phần II: (7 điểm)

Câu 11: (1 điểm).

Mỗi kết quả đúng (không bắt buộc học sinh đặt phép tính), chấm 0,5 điểm.

a)
$$x^2 + 4y^2 - 4xy = (x - 2y)^2$$

a)
$$x^2 + 4y^2 - 4xy = (x - 2y)^2$$

b) $(6x^3 - 7x^2 - x + 2) : (2x + 1) = 3x^2 - 5x + 2$

Câu 12: 2,25 điểm.

- a) Giá trị của phân thức được xác định khi $x \neq 3$ và $x \neq -3$ (1 điểm; nếu không trình bày lập luận, trừ 0,25 điểm)
 - b) Rút gọn phân thức đúng, chấm 0,75 điểm. Đáp số: $\frac{x^2 + 6x + 9}{x^2 + 6x + 9} = \dots = \frac{x+3}{x-3}$
- c) Phân thức có giá trị bằng 0 khi x + 3 = 0 suy ra x = -3 nhưng với x = -3 thì giá trị của phân thức không xác định. Vậy không có giá trị nào của x để phân thức có giá trị bằng 0. (0,5 điểm). Câu 13: 3 điểm.
 - + Vẽ hình đúng, rõ, đẹp, chấm 0,25 điểm.
 - a) (1 điểm)
 - + Tứ giác ADBM là hình bình hành (có IA = IB; ID = IM) suy ra AD // BM, chấm 0,5 điểm.
 - + Chứng tỏ được tứ giác ADBM là hình thoi, chấm 0.5 điểm.
 - b) (1 điểm)
 - + Lập luận chỉ ra tứ giác ADMC là hình bình hành từ đó suy ra kết quả.
 - c) (0,75 điểm)
 - + Tính đúng AB = 3cm, chấm 0,25 điểm.
 - + Tính đúng diên tích tam giác ABM (3cm²), chấm 0,5 điểm.

<u>Câu 14</u>: (0,75 điểm)

Ta có
$$x^2 - x + 2009 = (x - \frac{1}{2})^2 + 2008 \frac{3}{4} \ge 2008 \frac{3}{4} \ \forall x \ (0,5 \text{ diểm})$$

Vậy giá trị nhỏ nhất của biểu thức bằng $2008\frac{3}{4}$ khi $x = \frac{1}{2}$ (0,25 điểm).

- * Chú ý:
- + Điểm tối đa ở mỗi phần chỉ chấm với những bài làm có chữ viết rõ ràng, trình bày sach, đep.
- + Điểm tổng cộng của toàn bài được làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất (7,25 làm tròn thành 7,3 mà không làm tròn thành 7,5)

Gia sư Thành Được

www.daythem.edu.vn